

Số: 3296 /GPMT-UBND

Hưng Yên, ngày 20 tháng 10 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần thứ nhất)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II số 450/2026/CV-GPMT-WAT-TLIPII và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1009/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II, địa chỉ: KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này. Các nội dung khác giữ nguyên

theo Giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hết hiệu lực. *(Hết)*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- BQL các KCN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (*trả kết quả*);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (*đăng tải công khai*);
- UBND phường Đường Hào;
- UBND xã Nguyễn Văn Linh;
- Lưu: VT, KT2^{Tr}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Giấy phép môi trường (điều chỉnh lần thứ nhất) số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

I. Điều chỉnh nội dung cấp phép về thông tin chung của cơ sở

1. Bổ sung thêm một số mã ngành kinh tế tại Bảng ngành nghề thu hút đầu tư tại mục 1.5 như sau:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Hoạt động y tế	R86
2	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu. <i>Chi tiết: Sản xuất hợp kim đất hiếm (không có hoạt động sản xuất, chế biến từ quặng kim loại).</i>	C2420
3	Các ngành dịch vụ khác phục vụ cho sản xuất công nghiệp được phép đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.	
4	Các ngành nghề thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển (theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ).	

2. Điều chỉnh thông tin về tổng diện tích tại mục 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở như sau:

Tổng diện tích: 525,7 ha, bao gồm:

- + Diện tích đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1: 219,6 ha;
- + Diện tích đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2: 125,6 ha;
- + Diện tích đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 3: 180,5 ha.

II. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải tại Phụ lục 1 của giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026

1. Điều chỉnh nội dung tại phần A Phụ lục 1

Bổ sung thêm 01 nguồn phát sinh nước thải:

“Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ lô FFS (nhà PCCC) của KCN Thăng Long II.”

2. Điều chỉnh nội dung tại phần B Phụ lục 1

2.1. Bổ sung thông tin tại tiểu mục 1.1. mục 1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ lô FFS (nhà PCCC) được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, sau đó theo các trạm bơm chuyên bậc được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

Nước thải phát sinh từ hoạt động y tế (trừ nước thải sinh hoạt) được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý, không xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2. Bổ sung thông tin tại tiểu mục 1.2. mục 1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải. Cụ thể:

Bổ sung 06 bể tự hoại và 03 bể tách dầu mỡ với thông tin về thể tích thiết kế như sau:

+ 02 bể tự hoại lắp đặt tại khu vực nhà ăn (CB) thuộc khu vực văn phòng điều hành Khu công nghiệp Thăng Long II giai đoạn 1 có thể tích thiết kế 12,742 m³/bể.

+ 02 bể tách dầu mỡ lắp đặt tại khu vực nhà ăn (CB) thuộc khu vực văn phòng điều hành Khu công nghiệp Thăng Long II giai đoạn 1 có thể tích thiết kế 1,38 m³/bể.

+ 01 bể tự hoại lắp đặt tại khu vực nhà công an thuộc khu vực văn phòng điều hành Khu công nghiệp Thăng Long II giai đoạn 1 có thể tích thiết kế 8,613 m³.

+ 01 bể tự hoại lắp đặt tại khu vực trạm điện thuộc khu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thăng Long II giai đoạn 1 có thể tích thiết kế 21,96 m³.

+ 01 bể tự hoại lắp đặt tại khu vực nhà Ramen (dự kiến bố trí hoạt động y tế) thuộc Khu công nghiệp Thăng Long II giai đoạn 1 có thể tích thiết kế 6,044 m³.

+ 01 bể tách dầu mỡ lắp đặt tại khu vực nhà Ramen (dự kiến bố trí hoạt động y tế) thuộc Khu công nghiệp Thăng Long II giai đoạn 1 có thể tích thiết kế 1,688 m³.

+ 01 bể tự hoại lắp đặt tại lô FFS (nhà PCCC) của Khu công nghiệp Thăng Long II có thể tích thiết kế 15,155 m³.

2.3. Điều chỉnh tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại mục 1.5. mục 1. Cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tiếp nhận	
			Đơn vị chỉ phát sinh NTSH có lưu lượng >05 m ³ /ngày.đêm	Đơn vị có phát sinh NTSX (theo giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT)
1	Nhiệt độ	°C	-	40
2	pH	-	6 đến 9	6 đến 9
3	COD	mg/l	350	350
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200	200
5	Màu	Pt/Co	-	50
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	15	15
7	Tổng nitơ	mg/l	60	60
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	15	15
9	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300	300
10	Asen	mg/l	-	0,0405
11	Thủy ngân	mg/l	-	0,00405
12	Chì	mg/l	-	0,081

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tiếp nhận	
			Đơn vị chỉ phát sinh NTSH có lưu lượng >05 m ³ /ngày.đêm	Đơn vị có phát sinh NTSX (theo giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT)
13	Cadimi	mg/l	-	0,0405
14	Crom (VI)	mg/l	-	0,0405
15	Crom (III)	mg/l	-	0,162
16	Đồng	mg/l	-	1,62
17	Kẽm	mg/l	-	2,43
18	Niken	mg/l	-	0,162
19	Mangan	mg/l	-	0,405
20	Sắt	mg/l	-	0,81
21	Tổng xianua	mg/l	-	0,0567
22	Tổng phenol	mg/l	-	0,081
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	-	4,05
24	Sunfua	mg/l	0,162	0,162
25	Florua	mg/l	-	4,05
26	Clorua	mg/l	-	405
27	Clo dư	mg/l	-	0,81
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	-	0,0405
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	-	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	-	0,00243
31	Coliform	MNP/100ml	10 ⁶	10 ⁶
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l		0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	-	1

(*) Đối với với các đơn vị thứ cấp chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng ≤ 05 m³/ngày.đêm: chỉ cần xử lý sơ bộ nước thải bằng bể tách dầu mỡ, bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN.

III. Điều chỉnh về yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 3 của giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026

3.1. Điều chỉnh chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại mục 1 phần A

Khối lượng CTNH phát sinh thường xuyên khoảng: 391 kg/năm;

Khối lượng rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng: 161.360 kg/năm;

Khối lượng sinh hoạt phát sinh khoảng: 95,89 tấn/năm;

Khối lượng công nghiệp phải kiểm soát phát sinh: không thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp.

3.2. Điều chỉnh hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tại tiểu mục 2.3 mục 2 phần A

Cải tạo kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 65m² thành 02 ngăn riêng biệt gồm: Ngăn 01 (35m²) lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt; Ngăn 02 (30m²) lưu chứa tạm thời các tấm pin năng lượng mặt trời thải bỏ.

IV. Điều chỉnh các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 4 của giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026

4.1. Lược bỏ một phần nội dung mục 1. phần C

“- Tiếp tục thực hiện thủ tục giao đất và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật (sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với phần diện tích 48,8648 ha.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền, đào đắp tạo mặt bằng xây dựng, hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom thoát nước thải, hệ thống giao thông, hệ thống thông tin liên lạc,...

4.2. Lược bỏ mục 2. và 3. phần C

V. Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 96/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này./.
